

**Phụ lục III**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /11/2022  
của UBND tỉnh Nam Định)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

| Mã CTNH                          | Tên chất thải  | Ký hiệu phân loại | Trạng thái tồn tại | Khối lượng (kg/năm)    |                        |
|----------------------------------|--|-------------------|--------------------|------------------------|------------------------|
|                                  |  |                   |                    | GĐ vận hành thử nghiệm | GĐ vận hành thương mại |
| 05 02 03                         | Xi có thành phần nguy hại từ quá trình nấu, ủ  | KS                | Rắn                | 87.019                 | 174.038                |
| 05 02 06<br>05 04 01<br>05 05 01 | Bụi khí thải có các thành phần nguy hại  | KS<br>NH<br>NH    | Rắn                | 450                    | 900                    |
| 05 02 09<br>05 04 02<br>05 05 02 | Chất thải rắn từ quá trình xử lý bụi, khí thải có thành phần nguy hại (than hoạt tính) | KS<br>NH<br>KS    | Rắn                | 100                    | 200                    |
| 08 02 04                         | Hộp mực in thải  | KS                | Rắn                | 5                      | 10                     |
| 16 01 06                         | Bóng đèn huỳnh quang thải  | NH                | Rắn                | 3                      | 5                      |
| 18 02 01                         | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại  | KS                | Rắn                | 20                     | 40                     |
| 18 01 01                         | Bao bì mềm thải  | KS                | Rắn                | 25                     | 50                     |
| 18 01 02                         | Bao bì kim loại cứng thải  | KS                | Rắn                | 100                    | 200                    |
| 18 01 03                         | Bao bì nhựa cứng thải  | KS                | Rắn                | 15                     | 30                     |
| <b>Tổng</b>                      |  |                   |                    | <b>87.737</b>          | <b>175.473</b>         |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án với khối lượng khoảng 80.328 kg/năm trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và 160.655 kg/năm trong giai đoạn vận hành thương mại. Thành phần gồm: Giấy, túi nilon, thùng carton, bao bì thải, bavia thải từ quá trình cắt định hình kim loại.

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 08 kg/ngày trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và 12 kg/ngày trong giai đoạn vận hành thương mại. Thành phần gồm: Vỏ chai lọ, túi nilon, các loại bao gói thực phẩm,...

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chủ dự án bố trí 09 thùng chứa dung tích 100 - 200 lít có nắp đậy để thu gom CTNH. Các thùng chứa được dán tên loại chất thải, mã CTNH theo quy định.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa CTNH

Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom về kho CTNH có diện tích 30 m<sup>2</sup>. Kho có kết cấu nền đổ bê tông, cột và khung kèo kết cấu thép, mái lợp tôn, phía ngoài cửa kho có biển báo, biển cảnh báo theo đúng quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

- Đối với bavia thải từ quá trình cắt gọt sản phẩm, các sản phẩm lỗi, hỏng không đạt yêu cầu: Chủ dự án thu gom để tái sử dụng cho quá trình sản xuất.

- Chất thải rắn công nghiệp không thể tái sử dụng sẽ được thu gom và tập trung về kho chứa chất thải thông thường có diện tích 30 m<sup>2</sup> và ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý theo quy định. Kho có kết cấu nền đổ bê tông, cột và khung kèo kết cấu thép, mái lợp tôn.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chủ dự án bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy dung tích 120 lít đặt tại nhà xưởng, văn phòng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt hàng ngày theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Biện pháp phòng ngừa sự cố khu vực lưu chứa CTNH**

- Sử dụng thiết bị chứa CTNH có nắp đậy kín, không bị ăn mòn, độ bền cao, mỗi loại CTNH được lưu chứa trong thiết bị riêng theo từng mã CTNH.

- Bố trí bình chữa cháy, cát vàng trong kho để ứng phó sự cố rò rỉ CTNH. Khi có sự cố rò rỉ, phát tán chất thải nguy hại ra môi trường xung quanh, nhà máy sẽ tiến hành thu gom CTNH vào thùng chứa, kho chứa và xử lý theo quy định.

### **2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ dầu FO**

- Chủ dự án bố trí khu vực chứa dầu FO riêng biệt có diện tích 18 m<sup>2</sup>, thể tích 20 m<sup>3</sup> phía Tây dự án. Thiết bị chứa dầu, đường ống dẫn dầu được thiết kế theo đúng quy định, đảm bảo an toàn hóa chất. Téc chứa dầu được đặt trên nền bê tông và được xây đê ngăn cháy, chống tràn và hệ thống tiếp địa chống sét xung quanh theo đúng tiêu chuẩn PCCC, đảm bảo kiểm soát được dầu tràn trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố tràn dầu trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Trên đường ống dẫn dầu, bố trí các van điều chỉnh lưu lượng dầu vào bồn, trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ đường ống chủ dự án sẽ khóa các van tại các vị trí rò rỉ để tránh thất thoát dầu ra ngoài môi trường. Đối với lượng dầu đã bị rò rỉ, Chủ dự án sẽ sử dụng giẻ lau hoặc giấy thấm dầu để thấm, tránh thất thoát ra môi trường. Giẻ lau và giấy thấm dầu sẽ được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại.

- Hàng năm tổ chức huấn luyện nghiệp vụ và diễn tập phương án ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật.

### **3. Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ**

- Chủ dự án đã được phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy - cứu nạn cứu hộ của Công an tỉnh cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về thiết kế phòng cháy và chữa cháy tại Văn bản số 137/TD-PCCC ngày 27/9/2021 và chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của dự án Nhà máy chế tạo hợp kim Third Element tại Văn bản số 16/VBNT-PCCC ngày 25/01/2022.

- Trang bị bình chữa cháy xách tay đặt tại các vị trí dễ thấy tại những khu vực phù hợp: Trong khu vực sản xuất, liền kề tủ điện,..., trong xưởng sản xuất.

- Trang bị các biển báo cấm lửa, các tiêu lệnh chữa cháy và các thiết bị, phương tiện chữa cháy khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Bố trí bình cứu hỏa cầm tay tại những vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động của bình.

- Định kỳ hàng năm tổ chức diễn tập theo phương án PCCC được phê duyệt và huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho người lao động theo quy định.

### **4. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động**

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động: Găng tay, giày, ủng, quần áo, khẩu trang cho công nhân.

- Kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị định kỳ và thường xuyên.

- Ban hành nội quy về an toàn lao động chung và các quy định cho từng thiết bị (đặc biệt là khu vực tráng phủ bề mặt kim loại), bộ phận an toàn lao động của nhà máy sẽ thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở công nhân thực hiện các biện pháp an toàn lao động như: Đeo găng tay, khẩu trang, mũ bảo hộ, ủng bảo hộ,...

- Trang bị tủ y tế có đầy đủ các dụng cụ sơ cứu y tế tại chỗ trước khi đưa người bị tai nạn đi cấp cứu.

- Thực hiện theo quy định của pháp luật về đào tạo đảm bảo an toàn lao động và khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

- Trường hợp xảy ra sự cố an toàn lao động, Chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Đại Phong, UBND huyện Ý Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường để có phương án xử lý kịp thời./.